

UBND TP. ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG THCS NAM THANH

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo Phẩm chất	403	136	92	90	85
1	Tốt (tỷ lệ % so với tổng số)	361/403 =89,6%	120/136 =88,2%	79/92 =85,9%	82/90 =91,1	80/85 =94,1
	Khá (tỷ lệ % so với tổng số)	33/403 =8,9%	16/136 =11,8%	11/92 =12%	6/90 =6,7%	
2	Đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	6/403 =1,5%		2/92 = 2,2%	2/90 =2,2%	2/85 =2,4%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ % so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo năng lực	403	136	92	90	85
1	Tốt, HTT (tỷ lệ % so với tổng số)	(122+35)/403 =39%	46/136 =33,8%	31/92 =33,7%	45/90 =50%	35/85 =41,2%
2	Khá , HT (tỷ lệ % so với tổng số)	(110+43)/403	57/136	36/92	17/90	43/85 =

	số)	=38%	=41,9%	=39,1%	=18,9%	50,6%
3	Đạt + CNDCHT (tỷ lệ % so với tổng số)	(86 + 8) = 23%	33/136 = 28,2%	25/92 =27,2%	28/90 =31,1%	8/85 =8,2%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	403	136	92	90	85
1	Lên lớp (tỷ lệ % so với tổng số)	403/403 =100%	136/136 =100%	92/92 =100%	90/90 =100%	85/85 =100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ % so với tổng số)	20/318 =6,3%	9/136 =6,1%	1/92 =1,1%	10/90 =11,1%	
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ % so với tổng số)	(102+35)/403 =34%	37/136 =27,2%	30/92 =32,6%	35/90 =38,9%	35/85 =41,2%
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ % so với tổng số)	28/85 =32,9%				28/85 =32,9%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ % so với tổng số)	4/2	2/1	2/1	0	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước)	0	0	0	0	0

	và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện/thành phố	91	16	18	19	38
2	Cấp tỉnh/thành phố	45	7	9	7	22
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	8	0	0	0	8/85 =9,4%
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	85				85
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					85/85 =100%
1	Giỏi (tỷ lệ % so với tổng số)					35/85 =41,2%
2	Khá (tỷ lệ % so với tổng số)					28/85 =32,9%
3	Trung bình (Tỷ lệ % so với tổng số)					22/85 =25,9%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ % so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số	232/171	79/57	48/44	55/35	50/35

	học sinh nữ					
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	138	44	36	29	29

Nam Thanh, ngày 28 tháng 6 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Thanh Tịnh